

PHỤ LỤC
(kèm theo công văn số 05/TP ngày 22 tháng 4 năm 2024 của phòng tư pháp)

Biểu mẫu số 04

DANH SÁCH TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

STT	Tên huyện/quận/thành phố ..(cấp huyện) xã phường thị trấn (cấp xã)	Họ và Tên	Địa chỉ thường trú	Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật (ghi số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định)
1	Xã Phong Nậm	Triệu Văn Khánh	Xã Phong Nậm	Số 50/QĐ – UBND Phong Nậm ngày 18/01/2024
2	Xã Phong Nậm	Đàm Văn Lợi	Xã Lăng Hiếu	
3	Xã Phong Nậm	Nông Văn Hiếu	Thị trấn Trùng Khánh	
4	Xã Phong Nậm	Trần Thị Thảo	Thị trấn Trùng Khánh	
5	Xã Phong Nậm	Lục Thị Chinh	Thị trấn Trùng Khánh	
6	Xã Phong Nậm	Nông Thị Na	Thị trấn Trùng Khánh	
7	Xã Phong Nậm	Đàm Nông Du	Xã Đức Hồng	
8	Xã Phong Nậm	Nhâm Thị Hạnh	Xã Tự Do, Quảng Hòa	



9	Xã Phong Nặm	Vũ Đình Thắng	Thị trấn Trùng Khánh	
10	Xã Phong Nặm	Hoàng Văn Nguyên	Xã Phong Nặm	
11	Xã Phong Nặm	Hoàng Văn Long	Xã Phong Nặm	
12	Xã Phong Nặm	Nông Trường Sơn	Xã Phong Nặm	
13	Xã Phong Nặm	Hoàng văn Thuận	Thị trấn Trùng Khánh	
14	Xã Phong Nặm	Nguyễn Thị Thu	Xã Đoài Dương	

Phong Nặm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Người lập Biểu



Đàm Văn Lợi

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lã Văn Chung



Biểu mẫu số 05
DANH SÁCH HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

ST T	Tên huyện/quận/t hành phố ...(cấp huyện) xã phường thị trấn (cấp xã)	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải (Ghi rõ địa chỉ)	Trình độ chuyên môn (nếu có)	Quyết định công nhận làm hòa giải viên (ghi số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định)
1	Phong Nậm	Lương Ích Trung	1986	Nam	Tày	Xóm Bài Ban – Canh Cấp – Keo Việng		Số 54/QĐ-UBND Phong Nậm ngày 30/01/2024
2	Phong Nậm	La Văn Tàng	1969	Nam	Tày	Xóm Bài Ban – Canh Cấp – Keo Việng		
3	Phong Nậm	Triệu Văn Đồng	1983	Nam	Tày	Xóm Bài Ban – Canh Cấp – Keo Việng		
4	Phong Nậm	Triệu Văn Hiếu	1989	Nam	Tày	Xóm Bài Ban – Canh Cấp – Keo Việng		
5	Phong Nậm	Hoàng Thị Lê	1985	Nữ	Tày	Xóm Bài Ban – Canh		

						Cấp – Keo Viêng		
6	Phong Nặm	Lã Văn Thọ	1979	Nam	Tày	Xóm Nà Hâu – Nà Chang		Số 55 /QĐ – UBND Phong Nặm ngày 30/01/2024
7	Phong Nặm	Lý Văn Trọng	1986	Nam	Tày	Xóm Nà Hâu – Nà Chang		
8	Phong Nặm	Nông Văn Dũng	1977	Nam	Tày	Xóm Nà Hâu – Nà Chang		
9	Phong Nặm	La Văn Hoạt	1991	Nam	Tày	Xóm Nà Hâu – Nà Chang		
10	Phong Nặm	Lã Thị Phụng	1974	Nữ	Tày	Xóm Nà Hâu – Nà Chang		
11	Phong Nặm	Hoàng Văn Răm	1977	Nam	Nùng	Xóm Đà Bè		Số 56/QĐ-UBND Phong Nặm ngày 30/01/2024
12	Phong Nặm	Lục Văn Nam	1992	Nam	Nùng	Xóm Đà Bè		
13	Phong Nặm	Lục Văn Tiến	2002	Nam	Nùng	Xóm Đà Bè		



14	Phong Nặm	Nông Thị Yêm	1982	Nữ	Nùng	Xóm Đà Bè		
15	Phong Nặm	Lục Văn Khánh	1993	Nam	Nùng	Xóm Đà Bè		
16	Phong Nặm	Nông Văn Tăng	1967	Nam	Tày	Xóm Lũng Điêng – Lũng Rỳ		Số 57/QĐ-UBND Phong Nặm ngày 30/01/2024
17	Phong Nặm	La Văn Phong	1969	Nam	Nùng	Xóm Lũng Điêng – Lũng Rỳ		
18	Phong Nặm	Hoàng Thị Hường	1979	Nữ	Tày	Xóm Lũng Điêng – Lũng Rỳ		
19	Phong Nặm	La văn Thiêm	1985		Tày	Xóm Lũng Điêng – Lũng Rỳ		
20	Phong Nặm	Nông Văn Hùng	1993	Nam	Tày	Xóm Lũng Điêng – Lũng Rỳ		
21	Phong Nặm	Hoàng Văn Tráng	1988	Nam	Tày	Xóm Đà Bút – Nà Đoan – Giốc Rùng		Số 58/QĐ-UBND Phong Nặm ngày 30/01/2024



22	Phong Nậm	Nông Thị Bày	1991	Nữ	Tày	Xóm Đà Bút – Nà Doan – Giốc Rùng		
23	Phong Nậm	Hoàng Văn Đáp	1997	Nam	Tày	Xóm Đà Bút – Nà Doan – Giốc Rùng		
24	Phong Nậm	Triệu Văn Ru	1972	Nam	Tày	Xóm Đà Bút – Nà Doan – Giốc Rùng		
25	Phong Nậm	Hoàng Thị Thiệm	1990	Nữ	Tày	Xóm Đà Bút – Nà Doan – Giốc Rùng		
26	Phong Nậm	Hoàng Văn Chung	1975	Nam	Tày	Xóm Nà Thông – Pác Đông		Số 59/QĐ-UBND Phong Nậm ngày 30/01/2024
27	Phong Nậm	La Văn Đồng	1977	Nam	Tày	Xóm Nà Thông – Pác Đông		



28	Phong Nặm	La Văn Luận	1989	Nam	Tày	Xóm Nà Thông – Pác Đông		
29	Phong Nặm	Hoàng Văn Tuấn	1993	Nam	Tày	Xóm Nà Thông – Pác Đông		
30	Phong Nặm	Hoàng Thị Nga	1967	Nữ	Tày	Xóm Nà Thông – Pác Đông		

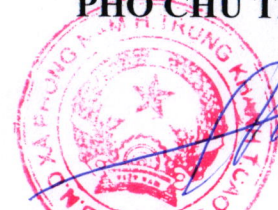
Phong Nặm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Người lập Biểu



Đàm Văn Lợi

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lã Văn Chung